

# VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI 55 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

**PGS.TS. Bùi Nam Sách**

*Viện trưởng - Viện Quy hoạch Thủy lợi*

**T**háng 3 năm 1959, nhận thấy tầm quan trọng của công tác quy hoạch thủy lợi, Bộ Thủy Lợi trình Hội đồng Chính phủ về Tổ chức nghiên cứu Quy hoạch sông Hồng.

Tháng 9/1959 Ban bí thư Trung ương Đảng ra chỉ thị số 164 CT/TW về vấn đề Trị Thủy và khai thác sông Hồng. Ban chuẩn bị thành lập tổ chức nghiên cứu quy hoạch sông Hồng do ông Hà Kế Tấn chủ trì.

Ngày 14 tháng 1 năm 1960, Hồ Chủ Tịch chủ tọa phiên họp Hội đồng Chính phủ trong đó có chủ trương thành lập Ủy ban trị thủy và khai thác sông Hồng.

Ngày 16 tháng 1 năm 1961. Hội đồng Chính phủ ra Nghị định số 2 CP thành lập Ủy ban trị thủy và khai thác sông Hồng, tiền thân của Viện Quy hoạch thủy lợi ngày nay.

Trên chặng đường 55 năm xây dựng và phát triển, Viện Quy hoạch Thủy lợi đã từng bước trưởng thành cả về lượng và chất. Kết quả các hoạt động của Viện đã góp phần rất quan trọng trong sự nghiệp phát triển thủy lợi Việt Nam.

Có thể điểm lại những kết quả nổi bật trong từng lĩnh vực hoạt động chính của Viện như sau:

## **1. Là đơn vị chủ lực trong cả nước thực hiện nhiệm vụ quy hoạch thủy lợi, đã thực hiện quy hoạch được các hệ thống thủy lợi lớn qua các thời kỳ**

### **1.1. Thời kỳ trước năm 1975**

Sau khi được thành lập Viện đã tập trung nghiên cứu Quy hoạch trị thủy và khai thác sông Hồng.

Cuối năm 1962 Viện đã trình bày trước Bộ Chính trị “Quy hoạch trị thủy và khai thác sông Hồng” và đã được Bộ Chính trị ra quyết định số 65 NQ/TW ngày 2/1/1963 về Quy hoạch này. Trên cơ sở quy hoạch đề ra, Nhà nước đã tập trung củng cố hệ thống đê điều và xây dựng các khu chậm lũ trong giai đoạn chưa có các công trình ở thượng nguồn. Hệ thống đê điều và các khu chậm lũ này đã chống được lũ năm 1969. Trước đó, từ năm 1965 đến 1968, trong cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ, Văn phòng Ủy ban sông Hồng được phép sơ tán lên vùng ngã ba sông Lô-Gâm để có điều kiện tiếp tục khảo sát và nghiên cứu bổ sung về công trình Tuyên Quang và một số công trình khai thác bậc thang trên dòng chính sông Đà.

Sau trận lũ năm 1971, Viện đã cùng các cơ quan trong Bộ nghiên cứu khả năng phân lũ vào sông Đáy để giảm lũ cho TP Hà Nội đã được Chính phủ phê duyệt. Công trình cải tạo đập Đáy khởi công vào tháng 12 /1974 và hoàn thành vào tháng 6 /1975.

Viện đã tích cực bắt tay vào việc nghiên cứu, thăm dò khảo sát, thiết kế quy hoạch bậc thang thủy điện trên dòng chính của hệ thống sông trên miền Bắc. Đặc biệt là lập nhiệm vụ thiết kế (nay gọi là dự án đầu tư) hồ chứa Hòa Bình. Tham mưu cho Chính phủ lựa chọn phương án để Liên Xô giúp xây dựng vào năm 1979. Đây là công trình lợi dụng tổng hợp chống lũ và phát điện, cấp nước cho hạ du mang lại hiệu quả to lớn cho đồng bằng sông Hồng.

Viện đã tích cực và đi đầu trong phong trào hoàn chỉnh thủy nông (1973-1975). Thông qua quy



hoạch thủy lợi do Viện đề xuất đã xây dựng, hàng loạt công trình thủy lợi, đặc biệt là các hệ thống lớn như: Hệ thống Đại thủy nông Bắc Hưng Hải, hệ thống 6 trạm bơm Nam Hà, hồ Núi Cốc, Trong đó có những công trình vừa làm nhiệm vụ phát điện vừa giải quyết nước tưới, tiêu úng, chống lũ cho đồng bằng Bắc Bộ, góp phần xóa cảnh chiêm khô, mùa thối của vùng trũng Hà Nam, Ninh Bình, Hải Dương, Hưng Yên. Đối với khu vực miền Trung, Viện đã tiến hành nghiên cứu quy hoạch các lưu vực sông, đề xuất xây dựng các công trình như: Hồ sông Mực (Thanh Hóa), kênh tiêu Vách Bắc (Nghệ An), hồ chứa Vực Tròn, hồ chứa Tiên Lang, hồ chứa Trung Thuần (Quảng Bình)... cấp nước cho các khu vực đặc biệt thiếu nước, sản xuất kém phát triển trong khu vực.

Thời kỳ này, nhờ những bước tiến đột phá trong công tác quy hoạch, cùng với các giải pháp căn bản về thủy lợi đã tạo ra những vụ mùa bội thu cho đồng bằng Bắc Bộ, làm nức lòng cả nước với năng suất lúa cao chưa từng có, đó là những cánh đồng 5 tấn thóc trên một hecta ở Thái Bình, Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định, Hà Nam đáp ứng phong trào “*Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người*” đã góp phần xóa đói giảm nghèo, phát triển nông nghiệp, nông thôn ở miền Bắc và giành thắng lợi giải phóng hoàn toàn miền Nam năm 1975.

## 1.2. Sau giải phóng miền Nam năm 1975

Sau khi miền Nam được giải phóng, bên cạnh việc tiếp tục nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện công tác thủy lợi ở miền Bắc, Bộ Thủy lợi thành lập 4 đoàn quy hoạch thủy lợi vào miền Nam, các cán bộ của Viện là cán bộ chủ chốt của các Đoàn quy hoạch Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ, Duyên hải miền Trung, Tây Nguyên. Các đoàn Quy hoạch này đã đề ra các giải pháp và các công trình thủy lợi phù hợp tạo điều kiện để nhân dân phát triển nông nghiệp trong các vùng.

### a) Đối với miền Bắc

Với mục tiêu phục vụ cho công cuộc khôi phục và xây dựng lại đất nước sau sự tàn phá của chiến tranh, ngay từ những ngày đầu hòa bình lập lại, đồng thời với triển khai quy hoạch thủy lợi rộng rãi trên toàn quốc, hoàn thành quy hoạch thủy lợi 14 lưu vực sông chính. Các quy hoạch đã đề xuất xây dựng hàng loạt các hệ thống công trình thủy lợi lớn được đưa vào đầu tư xây dựng, làm nhiệm vụ tiêu nước, cấp nước, phát điện, chống lũ, giảm nhẹ thiên tai. Viện đã đề xuất các tỉnh từ Thanh Hóa, đến tỉnh Thừa Thiên Huế tránh lũ chính vụ gieo trồng hai vụ lúa đông xuân và hè thu. Việc chuyển đổi này đến nay đã hình thành một tập quán canh tác mới giảm thiệt hại do lũ gây ra vẫn đáp ứng yêu cầu sản xuất hai vụ trong năm.

Công trình thủy điện Hòa Bình góp phần quan trọng vào việc phòng chống lũ lụt cho vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, trong đó có thủ đô Hà Nội, cung cấp nước tưới cho sản xuất nông nghiệp ở vùng hạ lưu trong đó có đồng bằng sông Hồng, nhất là trong mùa khô. Điều tiết mực nước sông, đồng thời đẩy nước mặn ở các cửa sông.

### b) Đối với miền Trung và Tây Nguyên

Thông qua quy hoạch thủy lợi đã xây dựng các công trình lớn như: Hồ Phú Vinh, hồ sông Rác, hồ Truồi trên hệ thống sông Hương, thủy điện sông Hinh và nhiều hồ chứa nhỏ đã góp phần khai thác tổng hợp nguồn nước phục vụ phát điện, cấp nước, chống lũ phát triển kinh tế xã hội khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Trong định hướng quy hoạch lũ miền Trung năm 1997 đã xác định các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên tránh lũ chính vụ gieo trồng hai vụ Đông xuân và Hè thu là phù hợp với điều kiện phát triển trước mắt cũng như sau này. Hiệu quả của các công trình thủy lợi được xây dựng đã góp phần cải tạo vùng đất khô cằn từ một vụ thường xuyên bị hạn thành 2 vụ ăn chắc có năng suất cao; khai thác nguồn năng lượng dồi dào trên các lưu vực sông để phát điện kết hợp phòng chống lũ giảm nhẹ thiên tai.

*c) Đối với vùng Đông Nam Bộ*

Từ quy hoạch của Viện đã đề xuất xây dựng các công trình thủy lợi với mục tiêu khai thác tổng hợp như các công trình hồ chứa nước Phú Ninh, Dầu Tiếng, thủy điện Thác Mơ, Trị An, La Ngà... Với nhiệm vụ khai thác nguồn điện năng đồng thời cấp nước và chống lũ cho vùng hạ lưu. Trong đó có vùng kinh tế trọng điểm Bà Rịa - Vũng Tàu - Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời từng bước cấp bổ sung nước cho vùng Bình Thuận và Ninh Thuận là 2 địa phương có lượng mưa thấp nhất cả nước, khô hạn quanh năm rất khó khăn về nguồn nước.

*d) Đối với đồng bằng sông Cửu Long*

Viện đã lập hàng loạt những quy hoạch đề cập toàn diện đến các mặt phòng chống lũ, ngăn mặn, giữ ngọt. Đồng thời Viện lập Thiết kế nhiệm vụ Hệ thống kênh dẫn nước tưới tiêu cho vùng Đồng Tháp Mười và Vùng Tứ giác Long Xuyên. Các hệ thống kênh này là cơ sở cho việc cải tạo chua mặn các vùng này. Đặc biệt là kênh Hồng Ngự đưa nước vào cải tạo chua phèn ở Đồng Tháp Mười. Đây là kênh dẫn nước có ý nghĩa quan trọng cho việc cải tạo vùng đất chua phèn vùng Đồng Tháp Mười được tranh luận rất nhiều khi xây dựng công trình này. Công trình Hồng Ngự đã được trao giải thưởng Tuổi trẻ sáng tạo. Quy hoạch thủy lợi đồng bằng sông Cửu Long đã xác định chỉ chống lũ ở những vùng ngập nông, những vùng ngập sâu tránh lũ chính vụ gieo trồng hai vụ lúa đông xuân và hè thu, lũ chính vụ cho nước vào đồng để lấy phù sa để cải tạo đất. Nhiều công trình thủy lợi lớn được xây dựng đồng bộ với hệ thống cửa cống đóng mở tự động, phù hợp với điều kiện bán nhật triều, như hệ thống cống, đập Ba Lai (Bến Tre), cống Láng Thè, Cần Chông, Cống Cái Hóp thuộc tiểu dự án Nam Măng Thít (Trà Vinh), hệ thống đề chống lũ, hệ thống thoát lũ ra biển Tây theo kênh Vĩnh Tế, hệ thống cống, kênh Ô Môn - Xà No, Quảng Lộ - Phụng Hiệp... Những đề xuất trong quy hoạch của Viện được xây dựng ở đồng bằng

sông Cửu Long là cơ sở cho Chính phủ ban hành Quyết định 99/TTg về đầu tư xây dựng thủy lợi ở đồng bằng sông Cửu Long. Thủy lợi ở đồng bằng sông Cửu Long, trong đó kênh chính Hồng Ngự đã góp phần cải tạo Đồng Tháp Mười có hiệu quả, cùng với cuộc cách mạng về giống, quy trình sản xuất và các biện pháp thủy lợi phòng chống lũ hợp lý, dẫn nước, thau chua, rửa mặn, vì vậy, khu vực đồng bằng sông Cửu Long trước giải phóng chỉ sản xuất được 1 vụ, nay đã phát triển thành đất 2-3 vụ lúa năng suất cao.

**1.3. Giai đoạn 10 năm trở lại đây**

Trong giai đoạn 10 năm gần đây (2005-2015), công tác quy hoạch đã có những đổi mới để phục vụ đa ngành, đa nghề, đa mục tiêu và tái cấu trúc ngành nông nghiệp. Quy hoạch thủy lợi đã gắn liền với mục tiêu giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với các thời tiết cực đoan do tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng, gắn liền với sự ổn định của các vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa và các vùng trọng điểm kinh tế trong cả nước. Trong những năm qua, Viện đã xây dựng rất nhiều quy hoạch thủy lợi và quản lý nguồn nước nhằm đáp ứng cho phát triển kinh tế của các vùng, các lưu vực sông, điển hình là:

- Quy hoạch tổng thể thủy lợi trong điều kiện biến đổi khí hậu - nước biển dâng khu vực miền Trung.
- Quy hoạch tổng thể thủy lợi đồng bằng sông Hồng đến năm 2020 và định hướng đến 2050 trong điều kiện biến đổi khí hậu - nước biển dâng.

Các quy hoạch này đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào năm 2012 làm cơ sở đầu tư cơ sở hạ tầng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội và giảm thiểu các tác động tiêu cực do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu - nước biển dâng như ngập lụt, xâm nhập mặn, thiếu nguồn nước...

Ngoài ra 10 năm qua Viện đã lập quy hoạch thủy lợi, quy hoạch phòng chống lũ và giảm nhẹ thiên tai rất nhiều lưu vực sông trên cả nước như



quy hoạch sử dụng tổng hợp nguồn nước lưu vực sông Cầu - sông Thương, sông Lô - sông Gâm, sông Cả, sông Mã, sông Bưởi, sông Trà Bồng - sông Trà Khúc, quy hoạch lũ đề điều hệ thống sông Hồng - sông Thái Bình, quy hoạch lũ, đề điều sông Đáy, quy hoạch thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản đồng bằng sông Cửu Long, quy hoạch thủy lợi ven đường Hồ Chí Minh, quy hoạch phục vụ các vùng trọng điểm kinh tế phía Bắc, miền Trung và vùng trọng điểm kinh tế phía Nam và rất nhiều các quy hoạch khác cho các tỉnh trong cả nước. Tích cực tham gia quy hoạch biên giới Việt Nam - Lào, phân giới cắm mốc biên giới Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Campuchia, góp phần ổn định lãnh thổ, giữ vững độc lập chủ quyền quốc gia.

Trong thời gian này, với quy hoạch của Viện đã đề xuất, Nhà nước đã đầu tư xây dựng hồ chứa thủy điện Tuyên Quang, đặc biệt là hồ chứa thủy điện Sơn La, là công trình lớn nhất Việt Nam và khu vực Đông Nam Á. Đây là những công trình lớn làm nhiệm vụ khai thác tổng hợp tiềm năng nguồn nước trong lưu vực sông Đà, sông Lô - sông Gâm phục vụ đa mục tiêu, cung cấp điện năng, đảm bảo chống lũ, điều tiết lũ cho hạ du, cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, cho công nghiệp và dân sinh toàn bộ đồng bằng sông Hồng - sông Thái Bình, trong đó có thủ đô Hà Nội. Từ năm 1996 đến nay, các khu vực dân cư ngoài đê sông Hồng ở các tỉnh, đặc biệt có thủ đô Hà Nội, hàng chục vạn hộ dân đã thoát khỏi cảnh sơ tán chạy lụt thường xuyên, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống sinh hoạt, môi trường, sức khỏe của người dân; đến nay hàng trăm ngàn hộ nông dân ở các khu phân chậm lũ trên hệ thống sông Hồng, sông Đáy (Tam Thanh, Lập Thạch, Lương Phú, Mỹ Đức, Chương Mỹ...) không phải nơm nớp chạy lụt, yên tâm bắt tay vào đầu tư cho phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới khi các khu chậm lũ trên đã được quyết định xóa bỏ.

Cũng trong thời gian này tại khu vực miền Trung, nhiều công trình thủy lợi lớn được xây dựng theo quy hoạch của Viện lập như: Hồ chứa nước Cửa Đạt trên sông Mã, thủy điện Bản Vẽ trên sông Cả, hồ Rào Đá trên sông Nhật Lệ, hồ Dương Hòa, Bình Điền, Hương Điền, Thủy điện A Vương, Thủy điện Sông Ba Hạ, hồ Định Bình, thủy điện Sê San 3, Sê San 4, Thuận Phong trên sông Kone, hồ Mỹ Lâm (Phú Yên), hồ Hoa Sơn, Tà Rục, Sông Trâu, Ea Krông rou (Khánh Hòa), thủy điện Yaly, hồ Krông Buk hạ trên hệ thống các sông ở Tây Nguyên... Những công trình thủy lợi được xây dựng công trình theo các dự án quy hoạch thủy lợi do Viện lập nêu trên đã góp phần cung cấp nước sinh hoạt nông thôn, tưới cây công nghiệp, cung cấp nước cho các ngành kinh tế, phòng chống lũ, cải thiện môi trường sinh thái, phát triển du lịch và góp phần phát triển kinh tế của khu vực.

Đối với miền Đông Nam Bộ, thời gian qua đã hoàn thiện quy hoạch thủy lợi và quy hoạch lũ, thủy điện sông Đồng Nai, sông Bé, sông La Ngà; quy hoạch thủy lợi phục vụ vùng kinh tế trọng điểm Bà Rịa - Vũng Tàu - TP. Hồ Chí Minh. Từ quy hoạch thủy lợi đã đề xuất một số công trình mới được xây dựng như Thủy điện Đại Ninh, hồ sông Sắt, hồ sông Trâu, hồ Lòng Sông giải quyết nước tưới cho các vùng khô hạn về mùa khô, góp phần chống sa mạc hóa cho vùng Bình Thuận và Ninh Thuận, là 2 địa phương có lượng mưa thấp nhất cả nước. Nhờ đó, diện tích đất trồng trọt đã tăng lên 1,5 lần, hệ số sử dụng đất trồng cây hàng năm cũng tăng và bảo đảm khả năng cung cấp lương thực, thực phẩm trong vùng. Có nước về, nhiều cánh đồng lâu nay chỉ trông chờ mùa mưa, giờ đã sản xuất được hai, ba vụ lúa/năm; nhiều vùng đất “cày lên sỏi đá” ở Hàm Thuận Nam, Hàm Thuận Bắc, Bắc Bình... giờ đây đã bạt ngàn thanh long, nho giúp hàng nghìn hộ nông dân trở thành triệu phú. Riêng tỉnh Bình Thuận, dự kiến trong năm nay, tổng diện tích gieo trồng được tưới toàn tỉnh sẽ lên 84.696 ha, tăng hơn 35.730

ha so với năm 2006. Vùng Đông Nam Bộ được coi là vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn của cả nước, sản xuất chủ yếu cà phê, hồ tiêu, mía, đậu tương, cây cọ dầu, cây điều đang được đưa vào trồng với quy mô lớn.

Đối với quy hoạch thủy lợi đồng bằng sông Cửu Long, mười năm qua đã có những điều chỉnh, bổ sung quy hoạch nhằm hoàn thiện hệ thống thủy lợi, phục vụ sản xuất nông nghiệp trong tình hình mới, bước đầu đã chủ động thích ứng trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng; góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển bền vững. Điều chỉnh, bổ sung các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, để bảo chủ động cấp nước, tiêu thoát nước, kiểm soát lũ, kiểm soát mặn ổn định cho 1,781 triệu ha đất lúa vùng đồng bằng sông Cửu Long. Hoàn chỉnh hệ thống đê biển, đê bao ngăn mặn ven biển và dọc sông, cùng với hệ thống cống điều tiết nhằm ngăn mặn, giữ ngọt phục vụ sản xuất nông nghiệp theo hướng gia tăng giá trị và lợi nhuận trên một đơn vị diện tích, khai thác tốt nhất ba thế mạnh: sản xuất lúa, nuôi trồng thủy sản, trồng và chế biến các loại rau, quả và thực phẩm đem lại hiệu quả cao.

Nhờ những giải pháp thủy lợi, đồng bằng sông Cửu Long đã đạt 21 triệu tấn vào năm 2009, góp phần quan trọng làm tăng sản lượng lương thực cả nước từ 7,5 triệu tấn năm 1976 lên 44,1 triệu tấn vào năm 2013, tăng gần 6 lần, đưa nước ta thành nước có sản lượng lương thực xuất khẩu lớn hàng đầu trên thế giới (năm 2013, Việt Nam đã xuất khẩu được 6,6 triệu tấn gạo).

## **2. Là đơn vị đi đầu trong nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ, đề xuất các giải pháp thích ứng nhằm giải quyết những vấn đề cấp bách về phòng chống giảm nhẹ thiên tai, biến đổi khí hậu, nước biển dâng**

### **2.1. Áp dụng khoa học, đổi mới công nghệ**

Ngay thời kỳ đầu, khi công nghệ thông tin chưa phát triển mạnh ở Việt Nam, Viện đã ứng dụng

máy tính cá nhân vào tính toán thủy lực, đây là khâu kỹ thuật phức tạp trong các quy hoạch lưu vực sông. Từ năm 1980, PGS. Nguyễn Như Khuê, cán bộ của Viện (người đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động) đã xây dựng và phát triển phần mềm VRSAP để tính toán thủy lực dòng chảy trên sông. Phần mềm này đã được các cơ quan tư vấn tính toán cho các bài toán tưới tiêu cho các vùng trong nước và được Ủy hội sông Mekong quốc tế chấp nhận làm công cụ tính toán dòng chảy và xâm nhập mặn ở đồng bằng sông Cửu Long.

Đã ứng dụng mô hình tiên tiến MIKE, NAMS, GAMS, HEC - RESSIM, CRYSTAL BALL... vào xây dựng quy trình vận hành hệ thống liên hồ chứa Hòa Bình, Thác Bà, Tuyên Quang, Sơn La để giúp Chính phủ điều hành chống lũ bão, hạn trên hệ thống sông Hồng, đảm bảo cấp nước cho hạ du (sinh hoạt, công nghiệp, giao thông thủy, nông nghiệp, môi trường) và phát điện.

Cập nhật thành tựu khoa học tiên tiến để áp dụng vào thực tế tính toán nhanh các bài toán quy hoạch, điều hành các hệ thống hồ chứa phục vụ kịp thời cho Chính phủ quyết định những vấn đề cấp bách khắc phục hậu quả do bão lũ gây ra. Đã sử dụng các bộ mô hình MIKE (NAM, 11, 21, 21FM, 21C, FLOOD, SHE, BASIN, MOUSE, URBAN, ECOLab), SOBEK, IQQM, WEAP, HEC-FDA, CROPWAT, GAMS để áp dụng tính toán nhanh các phương án điều hành chống lũ và chống hạn cho đồng bằng sông Hồng. Ứng dụng công nghệ sử dụng ảnh vệ tinh độ phân giải cao để kiểm định mô hình dòng chảy 2 chiều được ứng dụng để xác định mức độ ngập lũ và thiệt hại do lũ gây ra. Công nghệ này được áp dụng xây dựng bản đồ ngập lụt trên lưu vực sông Trà Khúc được địa phương đánh giá cao. Viện đang tiếp cận hợp tác quốc tế trong ứng dụng các công nghệ tiên tiến quản lý tổng hợp nguồn nước, quản lý thiên tai như công cụ Red-TwoLe hợp tác với Italia, công nghệ GIS, viễn thám...



## 2.2. Nghiên cứu khoa học ứng dụng vào thực tiễn

Trong quá trình phát triển, Viện luôn đổi mới phương pháp luận, đổi mới công nghệ trong công tác quy hoạch, sử dụng công nghệ tối ưu hóa phân bổ nguồn nước, công nghệ mô hình toán môi trường sinh thái, mô hình toán thủy lực, cân bằng nước. Viện luôn chú trọng việc cập nhật và áp dụng kiến thức và những khái niệm mới của thế giới trong lĩnh vực Quản lý Tài nguyên nước, như: Phát triển bền vững (Agenda 21) của Việt Nam, Quản lý tổng hợp tài nguyên nước (IWRM), Quản lý tổng hợp lưu vực sông.v.v... Chủ trì thực hiện 9 chương trình nghiên cứu, nhiều đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ. Những kết quả nghiên cứu khoa học đã đề cập toàn diện đến vấn đề phòng chống lũ giảm nhẹ thiên tai, ngăn mặn, cấp nước bảo vệ môi trường, tư vấn cho nông nghiệp về bố trí thời vụ hợp lý, nhằm tránh lũ chính vụ bảo đảm 2 vụ ăn chắc. Kết quả này được thấy rõ ở miền Trung và Nam Bộ, đây là vùng không có biện pháp chống lũ chính vụ triệt để như ở đồng bằng Bắc Bộ.

Điển hình là Chương trình nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước (Chương trình KC12, 1991-1995) cân bằng, bảo vệ và sử dụng có hiệu quả nguồn nước toàn lãnh thổ đã mang lại hiệu quả rất lớn, được đánh giá là một trong những công trình nghiên cứu khoa học công nghệ xuất sắc giai đoạn 1991-1996, làm cơ sở cho các ngành sử dụng nước và các cơ quan quản lý hoạch định chiến lược phát triển của ngành một cách hợp lý, giúp cho lãnh đạo các Bộ, ngành ra những quyết định về chính sách sử dụng nước chính xác và đúng đắn.

Công trình nghiên cứu công nghệ nhận dạng lũ và cải tiến quy trình vận hành tối ưu hồ chứa thủy điện Hòa Bình được Hội đồng Giải thưởng chuyên ngành đề nghị Giải thưởng Quốc gia. Nghiên cứu, cải tiến, ứng dụng mô hình tính toán tiên tiến phục vụ nghiên cứu, lập các dự án phát triển nguồn nước đã được Hội đồng khoa học

công nghệ Bộ xét và đề nghị tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh năm 2000. Hiện nay, công nghệ đang được ứng dụng có hiệu quả trong công tác điều hành chống lũ cho đồng bằng sông Hồng và Thủ đô Hà Nội.

Chương trình nghiên cứu xâm nhập mặn đồng bằng sông Cửu Long là cơ sở cho việc xác định đầu tư các công trình như cống Ba Lai, hệ thống kênh dẫn nước ngọt, ngăn mặn. Từ những năm 1995-1996 Viện là cơ quan đầu tiên trong cả nước bắt tay vào việc nghiên cứu vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu. Nghiên cứu đất ngập nước, thoát lũ đồng bằng sông Cửu Long (đề tài 06A.03.05) là cơ sở hình thành các tuyến đề chống lũ sớm, muộn đảm bảo ăn chắc 2 vụ. Nghiên cứu cơ sở khoa học về khả năng thoát lũ của hệ thống công trình sông Đáy (1996 - 1998) là cơ sở cho việc đề xuất phương án thoát lũ, bỏ các vùng chậm lũ, cơ sở cho phát triển khu vực Thủ đô Hà Nội. Nghiên cứu Chiến lược bảo vệ bền vững tài nguyên và môi trường lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn (2001 - 2005)...

Giai đoạn 2005-2015, Viện đã chủ trì nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ, tạo ra được cơ sở vững chắc, giải quyết các vấn đề quan trọng liên quan đến nguồn nước. Tiêu biểu là Viện đã chủ trì nghiên cứu đề tài cấp Nhà nước lập quy trình vận hành liên hồ chứa 4 hồ: Sơn La, Hòa Bình, Thác Bà và Tuyên Quang trong mùa kiệt, nhằm sử dụng tối ưu nguồn nước hệ thống sông Hồng - sông Thái Bình, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan. Nghiên cứu đề tài cấp Bộ về giải pháp công trình trữ, cấp nước cho sản xuất, dân sinh một số vùng khan hiếm nước tại 8 tỉnh miền núi phía Bắc, đề xuất mô hình khai thác nguồn nước thích hợp, trữ và cấp nước. Viện đã chủ trì thực hiện nghiên cứu, đề xuất các giải pháp cấp nước, tiêu nước hợp lý, khả thi cho vùng đồng bằng sông Hồng để thích nghi với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

Đối với miền Trung, Tây Nguyên Viện đã có những nghiên cứu thuộc chương trình khoa học

trọng điểm cấp Nhà nước về phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai (KC08/11-15), trong đó đã đánh giá được tình hình lũ lụt, hạn hán ở miền Trung, Tây Nguyên, xác định nguyên nhân, đánh giá tác động của các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, cơ sở hạ tầng đến lũ miền Trung và đề xuất giải pháp giảm thiểu. Nghiên cứu đầy đủ cơ sở khoa học về tính toán cân bằng nước, đánh giá khả năng đáp ứng nguồn nước của hệ thống công trình.... để đề xuất các giải pháp hiệu quả, khả thi và cử cán bộ trực tiếp tham gia trong phòng chống hạn cho miền Trung và Tây Nguyên.

Viện là cơ quan soạn thảo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN về quy hoạch thủy lợi, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; lập tiêu chuẩn về quy hoạch cấp nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn như: Tiêu chuẩn 14 TCN-87-02 năm 2002, Tiêu chuẩn 14 TCN-87-06 năm 2006 và Giá thiết kế quy hoạch thủy lợi năm 2009.

Viện là cơ quan được Bộ giao nghiên cứu đánh giá những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, nước biển dâng và đề xuất các giải pháp thích ứng, thường xuyên cung cấp tư vấn cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu, các kết quả đã được phê duyệt như: Dự án quy hoạch tổng thể thủy lợi đồng bằng sông Hồng trong điều kiện biến đổi khí hậu nước biển dâng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2012; Dự án quy hoạch tổng thể thủy lợi vùng Bắc Trung Bộ trong điều kiện biến đổi khí hậu nước biển dâng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2012; Dự án Quy hoạch tổng thể thủy lợi vùng Tây Nguyên trong điều kiện biến đổi khí hậu nước biển dâng đang thực hiện; Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ về các giải pháp đề xuất trong quy hoạch thủy lợi nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng (đã nghiệm thu cấp Bộ năm 2012); Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ Tích hợp vấn đề biến đổi khí hậu vào rà soát Tổng quan quy hoạch thủy lợi vùng

Trung du và miền núi phía Bắc đã được nghiệm thu. Trong các dự án, đề tài nghiên cứu nêu trên đã áp dụng các tiêu chuẩn tính toán, các biên tính toán (lưu lượng, mực nước, biên triều, dự báo mưa, nắng, nhiệt độ... theo các kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng do Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố, xác định được các vùng dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu và đề xuất các giải pháp phù hợp.

### **2.3. Nghiên cứu, xây dựng Chiến lược phát triển thủy lợi**

Viện Quy hoạch Thủy lợi là cơ quan tham mưu cho Bộ, Chính phủ trong việc xây dựng Chiến lược phát triển thủy lợi, đã thực hiện nguyên tắc về Quản lý tổng hợp tài nguyên nước theo lưu vực sông nhằm phát triển bền vững. Viện đã hoàn thành Chiến lược phát triển thủy lợi giai đoạn 2010 - 2020 và tầm nhìn 2050 đã được Chính phủ phê duyệt. Chiến lược đã đề ra các giải pháp thủy lợi, chương trình dự án đảm bảo mục tiêu đến 2020 cơ bản cấp đủ nước cho nông nghiệp, công nghiệp, dân sinh, tiêu thoát nước cho 1,7 triệu ha vùng trũng, nâng mức đảm bảo chống lũ cho các vùng trong toàn quốc, củng cố các hệ thống đê sông, đê biển đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế xã hội. Trong đó đã được bổ sung về giải pháp bảo vệ môi trường, các giải pháp thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, phát triển công nghệ. Viện là cơ quan có đóng góp lớn trong việc soạn thảo Luật Tài nguyên nước, Dự thảo Luật Thủy lợi, các tham mưu cho Chính phủ ban hành các Tiêu chuẩn phòng chống giảm nhẹ thiên tai, đồng thời Viện cũng đã chủ trì và tham gia soạn thảo nhiều tiêu chuẩn, quy phạm ngành... Viện là đơn vị thường trực trong công tác phòng chống lụt bão, đặc biệt, trong công tác tính toán dự báo lũ lụt hàng năm để giúp Chính phủ điều hành chống lũ trên hệ thống sông Hồng. Là cơ quan có đóng góp lớn trong tính toán đề xuất với Chính phủ về sự kết hợp lợi ích hài hòa giữa phát triển năng lượng trên các lưu vực sông và chống lũ giảm nhẹ thiên tai cho hạ lưu và cấp nước cho

các ngành kinh tế, đặc biệt là điều hành các hồ chứa trên lưu vực sông Hồng - sông Thái Bình về mùa lũ và mùa cạn. Viện đã triển khai những dự án điều tra cơ bản, tổng hợp những số liệu tin cậy trọng tâm là điều tra về nguồn nước, ô nhiễm nguồn nước mặt và nước ngầm trên các lưu vực sông phục vụ cho công tác quản lý và quy hoạch.

Hiện nay, trong điều kiện biến đổi khí hậu toàn cầu, Viện là cơ quan chính đã được Bộ giao tập trung nghiên cứu cho vùng Tây Nguyên và vùng núi phía Bắc để hoàn thiện bức tranh toàn cảnh về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng, sớm trình Chính phủ phê duyệt về Chiến lược của ngành ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng trong giai đoạn tới.

#### 2.4. Hợp tác quốc tế

Những thành tựu nổi bật trong hợp tác quốc tế được ghi nhận là hợp tác với JICA Nhật Bản lập quy hoạch thủy lợi 14 lưu vực sông chính trên toàn quốc từ những năm 2000 cho đến nay vẫn là cơ sở vững chắc định hướng cho các quy hoạch thủy lợi, thủy điện trên toàn quốc. Hợp tác với DANIDA Đan Mạch trong tăng cường năng lực các Viện ngành nước; Dự án Quản lý tổng hợp và bền vững nguồn nước hệ thống sông Hồng - sông Thái Bình trong điều kiện biến đổi khí hậu do Viện hợp tác với Trường Đại học MILAN của Italia đã ứng dụng các công nghệ tiên tiến vào tính toán quản lý nguồn nước lưu vực sông Hồng - sông Thái Bình, giải quyết triệt để các mâu thuẫn sử dụng nước và thích ứng được với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

Trong nghiên cứu về biến đổi khí hậu, Viện đã hợp tác với Ngân hàng thế giới (WB) nghiên cứu tác động của biến đổi khí hậu và đề xuất các biện pháp thích ứng cho đồng bằng sông Hồng - Tài liệu phục vụ cho hội nghị COP15 (tháng 12 năm 2009 tại Copenhagen, Đan Mạch).

Viện luôn là đối tác chính, tin cậy thực hiện tư vấn cho nhiều dự án quan trọng do các tổ chức

quốc tế đầu tư vào Việt Nam trên các lĩnh vực thủy điện, quy hoạch, phòng chống giảm nhẹ thiên tai, bảo tồn thiên nhiên, biến đổi khí hậu, giải quyết những tranh chấp đối với việc sử dụng nước và phòng chống tác hại do ảnh hưởng của việc khai thác nguồn nước trên lưu vực sông Quốc tế. Xác định dự án đầu tư kêu gọi vốn của các tổ chức quốc tế ADB, WB. Hợp tác với Ủy hội sông Mekong quốc tế, Viện Quản lý Nước quốc tế (IWMI), Mạng lưới thủy điện bền vững, các quốc gia như: Hà Lan, Úc, Thụy Điển, Ý, Đan Mạch, Na Uy, Đức... và có nhiều đóng góp vào việc đưa các công nghệ tiên tiến và những kinh nghiệm của quốc tế vào giải quyết các vấn đề liên quan đến quản lý, sử dụng nguồn nước, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai tại Việt Nam.

Thời gian 1997-2001, tham mưu cho nhà nước giúp nước bạn Lào trong công tác xây dựng chiến lược và quy hoạch thủy lợi: Lập quy hoạch thủy lợi 7 vùng đồng bằng trọng điểm: Viêng Chăn, Bolykhamxay, Savanakheth, Khăm Muộn, Salavan, Champasak, Atapou. Năm 2013 và 2014 thực hiện lập dự án đầu tư và thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công công trình thủy lợi Nam Hang, thuộc tỉnh Hòa Phăn, dự án đầu tư công trình thủy lợi Nam Long, Huyện Xốp Bấu, Tỉnh Hòa Phăn. Các chương trình hợp tác giúp bạn Lào vừa góp phần củng cố tình hữu nghị hai nước Việt Nam - Lào vừa hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao và tạo dựng uy tín của Viện đối với lãnh đạo và nhân dân nước bạn Lào.

Trong thời kỳ đổi mới đất nước, Viện Quy hoạch Thủy lợi là cơ quan duy nhất trong công tác lập quy hoạch thủy lợi trên toàn quốc. Xây dựng mới quy hoạch thủy lợi toàn bộ hệ thống thủy nông ở Nam Bộ ngay từ những ngày đầu giải phóng miền Nam. Những công trình được đề xuất từ quy hoạch thủy lợi đã có tầm quan trọng, then chốt, tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế xã hội, phòng chống giảm nhẹ thiên tai trên toàn quốc, góp phần để sản xuất nông nghiệp



phát triển. Điển hình như: Thủy điện Hòa Bình, thủy điện Sơn La, thủy điện Tuyên Quang trên hệ thống sông Hồng, Hồ Cửa Đạt trên sông Mã, Hồ chứa Dương Hòa, thủy điện Bình Điền trên sông Hương, hệ thống bậc thang thủy điện trên sông Vu Gia - Thu Bồn, sông Đồng Nai, Đập Ba Lai, hệ thống kênh cấp nước, tiêu úng thoát lũ, ngăn mặn đồng bằng sông Cửu Long...v.v...

Thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, công tác quy hoạch thủy lợi là bước đầu tiên, quy hoạch đi đôi với quá trình nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào trong quy hoạch, thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, quy hoạch gắn với quản lý khai thác hệ thống, góp phần giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra, định hướng phục vụ phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, cấp nước sinh hoạt nông thôn, di dân tái định cư.

Trên quy mô toàn quốc, các công trình được xây dựng theo quy hoạch của Viện đã đảm bảo cấp nước tưới cho hơn 3,1 triệu ha, chủ yếu là đất lúa, tiêu cho hơn 1,5 triệu ha, chống lũ triệt để cho đồng bằng sông Hồng, vùng ngập nông ở đồng bằng sông Cửu Long, chống lũ hè thu, lũ sớm đảm bảo cho 2 vụ ăn chắc ở miền Trung, 3 vụ ở đồng bằng Cửu Long. Hệ thống thủy lợi cũng đã phục vụ ngăn mặn 0,87 triệu ha và cải tạo chua phèn 1,6 triệu ha. Các thị trấn thị xã, các khu công nghiệp đã được cấp nước với tổng lượng cấp đạt hơn 5 tỷ m<sup>3</sup>/năm. Cấp nước sinh hoạt nông thôn đạt 75% số dân. Đặc biệt, với khu vực đồng bằng sông Hồng sau khi có hồ Sơn La đã đảm bảo chống lũ với tần suất lũ 500 năm (trước khi hoàn thành hồ Sơn La mới đảm bảo chống lũ với tần suất 250 năm và đưa tần suất đảm bảo về tưới lên 85% (trước hoàn thành là 75%), đây là yếu tố cực kỳ quan trọng đã nâng mức đảm bảo an toàn, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, đặc biệt cho Thủ đô Hà Nội.

### **3. Đi đầu trong việc bồi dưỡng, đào tạo trình độ về mọi mặt cho cán bộ, công nhân viên chức và người lao động; chăm lo công tác đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ, công nhân viên để đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước**

Công tác nâng cao phát triển nguồn nhân lực trong mọi thời kỳ luôn được Viện quan tâm chú trọng bồi dưỡng lớp cán bộ khoa học kỹ thuật trẻ. So với năm 2005, hiện nay số cán bộ có trình độ trên đại học của Viện tăng gấp 2 lần. 100% cán bộ khoa học kỹ thuật đã sử dụng thành thạo các công nghệ tiên bộ kỹ thuật tiên tiến vào công tác quy hoạch. Viện luôn tạo điều kiện khuyến khích cán bộ học tập nâng cao trình độ. Thường xuyên mở từ 3-5 lớp đào tạo giới thiệu những công nghệ khoa học mới và kỹ năng ứng dụng vào tính toán quy hoạch trong viện nhằm trao đổi kinh nghiệm và chuyển giao các công nghệ tiên tiến tạo điều kiện cho cán bộ sử dụng thành thạo các mô hình toán áp dụng cho tính toán quy hoạch. Chủ trì soạn thảo các bài giảng và trực tiếp giảng dạy về nội dung kỹ thuật lập dự án quy hoạch thủy lợi cho các cán bộ thuộc 31 tỉnh thành.

Thực hiện thường xuyên công tác quy hoạch cán bộ thực hiện thường xuyên, xây dựng quy hoạch cán bộ cho từng năm, từng thời kỳ. Chính vì vậy mà các cán bộ được đề bạt trong Viện đều có năng lực tốt về chuyên môn và phẩm chất tốt, là nguồn cung cấp nhiều lãnh đạo cho Bộ ở các vị trí lãnh đạo Bộ và các cơ quan, đơn vị trực thuộc của Bộ Thủy lợi trước đây, cũng như Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ngày nay.

Đầu tư trang bị kỹ thuật tiên tiến phục vụ cho công tác như hệ thống máy tính cá nhân được trang bị đủ cho cán bộ làm việc có hiệu quả, máy khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn và thí nghiệm chất lượng nước phục vụ cho công tác



khảo sát tạo nguồn số liệu cơ bản tin cậy phục vụ quy hoạch và quản lý nguồn nước. Hiện nay, Viện đã được trang bị phòng thí nghiệm chất lượng nước hiện đại đã được đăng ký kiểm định theo tiêu chuẩn ngành phục vụ cho công tác đánh giá môi trường, chất lượng nước trên các hệ thống sông, hệ thống công trình thủy lợi.

#### **4. Gương mẫu chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước, chăm lo quyền lợi của người lao động**

Viện luôn quan tâm đến công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật tới toàn thể cán bộ công nhân viên, tạo điều kiện cho cán bộ hiểu, nắm vững đường lối chủ trương, chính sách của Đảng để thực hiện, Viện đã được Bộ trưởng tặng Bằng khen về thành tích xuất sắc trong công tác tuyên truyền phổ biến và thực hiện pháp luật giai đoạn 2003 - 2007.

Để quản lý nguồn vốn và chi tiêu, Viện đã xây dựng, ban hành và áp dụng quy chế chi tiêu nội bộ có sự tham gia góp ý và đồng thuận của toàn thể cán bộ công nhân viên trong Viện. Điều này đã tạo sự công bằng cho người tham gia lao động và minh bạch trong quản lý tài chính trong cơ quan Viện. Thực hiện triệt để chủ trương tiết kiệm chống lãng phí trong toàn Viện. Chính có sự quản lý tốt nguồn vốn nên trong suốt thời gian dài trong Viện đã không để xảy ra hiện tượng tham ô, tham nhũng.

Quản lý tài sản chung của cơ quan được nhà nước trang bị đã thực hiện đúng quy định. Quá trình sử dụng có sự duy tu, bảo dưỡng, hàng năm sử dụng nguồn vốn của Viện để tăng cường trang thiết bị, đặc biệt là trang thiết bị khoa học kỹ thuật phục vụ tích cực cho nghiên cứu khoa học và tính toán quy hoạch phục vụ kịp thời cho sản xuất.

Viện đã chăm lo tốt đến đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân viên, luôn đảm bảo thu nhập cho cán bộ ở mức gấp 2 lần lương chính. Luôn quan tâm đến cán bộ công nhân viên trong diện chính sách, đặc biệt là gia đình thương binh, liệt sỹ, thăm hỏi và tạo điều kiện cho cán bộ phát triển. Đối với lực lượng cựu chiến binh đã động viên kịp thời, hàng năm tạo điều kiện cho cán bộ thăm di tích lịch sử cách mạng chiến trường xưa, luôn chú ý đến đời sống của từng cán bộ và động viên, giúp đỡ kịp thời khi gia đình cán bộ gặp khó khăn, hàng năm tạo điều kiện cho cán bộ thăm quan nghỉ mát trong và ngoài nước, giao lưu, học hỏi, tăng sự đoàn kết gắn bó trong công việc, tổ chức thể thao, văn nghệ cho cán bộ tạo thêm sự thoải mái, giảm sự căng thẳng trong những ngày làm việc bận rộn.

#### **5. Viện luôn luôn là tập thể đoàn kết nhất trí, tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh, các tổ chức đoàn thể quần chúng vững mạnh toàn diện và thực hiện tốt công tác xã hội**

Cơ quan Viện luôn là một thể thống nhất đoàn kết, có mối liên hệ mật thiết, luôn quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện để cùng hoàn thành nhiệm vụ được giao, không có hiện tượng cửa quyền, độc đoán xuất hiện trong cơ quan Viện.

Đảng bộ Viện và các chi bộ trực thuộc luôn đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh, trong suốt 10 năm triển khai nghiêm túc việc học tập, quán triệt và thực hiện Nghị quyết của Đảng ủy cấp trên. Thực hiện tốt cuộc vận động học tập tấm gương đạo đức Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng bộ đã được tặng giải 3 trong cuộc thi kể chuyện về Bác do Đảng ủy Bộ tổ chức và được Đảng ủy Bộ trao tặng Giấy khen cho 1 chi bộ và 1 đảng viên điển hình tiên tiến. Đảng bộ Viện, các chi bộ trực thuộc đã được tặng Cờ và nhiều Bằng khen của Đảng ủy Khối Kinh tế Trung ương, Giấy khen của Đảng ủy Bộ.

Công đoàn Viện luôn là tổ chức vững mạnh, đoàn kết, thực hiện tốt việc chăm lo đến đời sống, chế độ cho người lao động, thực hiện tốt công tác xã hội. Hàng năm tập thể cán bộ đã đóng góp từ 10 - 30 triệu đồng ủng hộ đồng bào vùng lũ lụt, xây dựng nhà tình nghĩa và phụng dưỡng Mẹ Việt Nam Anh hùng Phạm Thị Nhón ở Thái Bình. Năm 2012 mẹ mất, cơ quan đã phối hợp cùng chính quyền địa phương tổ chức đám tang đúng nghi lễ và trang trọng cho Mẹ được các cơ quan, đoàn thể và nhân dân địa phương đánh giá cao.

Tổ chức Đoàn Thanh niên của Viện là một trong những tổ chức cơ sở Đoàn mạnh nhất của tổ chức Đoàn Thanh niên Bộ Nông nghiệp và PTNT. Hiện nay, lực lượng thanh niên đã có 75 đoàn viên chiếm gần 40% lực lượng cán bộ trong Viện. Thanh niên đã tích cực học tập nâng cao trình độ, hiện có tới 40 % có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ và đang theo học tiến sĩ, thạc sĩ ở trong và ngoài nước. Tổ chức Đoàn đã tích cực hưởng ứng và phát động được nhiều phong trào thi đua, đã thu hút đông đảo thanh niên tham gia, cũng như việc tích cực tham gia các phong trào văn thể do tổ chức Đoàn cấp trên tổ chức và đã được BCH Trung ương đoàn TNCS Hồ Chí Minh tặng Bằng khen năm 2007 và Giấy khen của BCH Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Khối cơ quan kinh tế Trung ương.

Đối với công tác tự vệ, đã tham gia huấn luyện tốt, làm tốt công tác an ninh trật tự, bảo vệ cơ quan. Trong công tác bảo vệ an ninh Viện đã

được tặng nhiều Bằng khen của Bộ Công an. Đơn vị tự vệ đã được tặng danh hiệu 10 năm liên tục quyết thắng.

Hoạt động của tổ chức nữ công nề nếp, động viên tích cực cán bộ nữ vượt qua khó khăn gia đình tham gia hoàn thành tốt công tác chuyên môn và nghiên cứu khoa học kỹ thuật. Hiện nay có nhiều chị em đã có trình độ thạc sĩ và đảm nhận các vị trí lãnh đạo đơn vị, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm các dự án.

Với niềm tự hào và phấn khởi về những thành tựu đã đạt được trong 55 năm qua, phát huy truyền thống và sức mạnh của một đơn vị Anh hùng Lao động, tập thể Cán bộ công nhân viên Viện Quy hoạch Thủy lợi quyết tâm phấn đấu, rèn luyện, đoàn kết một lòng và vươn lên trong mọi mặt công tác để giữ vững truyền thống và liên tục xây dựng Viện phát triển *“trở thành Viện quốc gia hàng đầu và mạnh trong khu vực về lĩnh vực quy hoạch thủy lợi và các kiến thức có liên quan, là địa chỉ tin cậy cung cấp các dịch vụ quy hoạch thủy lợi và các lĩnh vực liên quan, tạo điều kiện sử dụng tối ưu nguồn nước và bảo vệ môi trường bền vững, phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, của các địa phương và các ngành liên quan không chỉ ở Việt Nam mà còn hợp tác phát triển ra các nước trong khu vực và hòa nhập với thế giới”*, góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững nền kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội và tăng cường hội nhập quốc tế./.



*Bộ trưởng Bộ Thủy lợi Nguyễn Cảnh Dinh đọc quyết định tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhất cho Viện Quy hoạch Thủy lợi tại lễ kỷ niệm 25 năm thành lập Viện*



*Phó Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Độc lập hạng Nhất lần 2 năm 2011 (kỷ niệm 50 năm thành lập Viện)*